

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 24
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được chia tách từ Công ty xổ số kiến thiết thuộc Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ theo Quyết định số 58/2004/QĐ-UB ngày 20/01/2004 và chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Hậu Giang theo Quyết định số 2025/QĐ-UB ngày 28/07/2009. Công ty là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6406000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 05 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 1800545163 ngày 20/02/2020.

Trụ sở chính của Công ty: Số 151 Đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.

BAN LÃNH ĐẠO

Các thành viên của Ban Lãnh đạo đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Hữu Ái	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thái Bình	Giám đốc
Ông Võ Minh Duy	Phó Giám đốc
Bà Lê Thị Diễm Trang	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Thanh Liêm	Kế toán trưởng
Ông Lê Văn Thắng	Kiểm soát viên
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang

Số 151 Đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Lãnh đạo

Nguyễn Thái Bình

Giám đốc

Hậu Giang, ngày 28 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Lãnh đạo
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được lập ngày 28 tháng 01 năm 2022, từ trang 6 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 06 tháng 02 năm 2021.



Đỗ Mạnh Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2018-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2022

Nguyễn Anh Ngọc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1437-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã TÀI SẢN số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021 (Đã điều chỉnh)
		VND	VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		461.250.815.574	636.883.589.289
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	134.631.157.176	149.282.025.433
111 1. Tiền		124.631.157.176	58.864.046.173
112 2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	90.417.979.260
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	166.178.652.931	322.468.116.644
121 1. Đầu tư ngắn hạn		166.178.652.931	322.468.116.644
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		149.918.737.157	157.786.941.793
131 1. Phải thu của khách hàng	5	99.312.559.991	121.408.767.558
132 2. Trả trước cho người bán	6	33.888.733.180	19.659.888.516
135 3. Các khoản phải thu khác	7	16.767.324.016	16.768.165.749
139 4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(49.880.030)	(49.880.030)
140 IV. Hàng tồn kho	8	5.052.643.654	1.282.236.059
141 1. Hàng tồn kho		5.052.643.654	1.282.236.059
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		5.469.624.656	6.064.269.360
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	5.469.624.656	6.064.269.360
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		115.011.602.530	120.267.017.495
220 II. Tài sản cố định		108.925.591.666	114.308.089.695
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	59.139.416.524	14.994.241.606
222 - Nguyên giá		76.934.243.649	31.718.450.275
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(17.794.827.125)	(16.724.208.669)
227 2. Tài sản cố định vô hình	11	49.497.629.146	39.248.570.405
228 - Nguyên giá		50.184.165.192	39.792.820.405
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(686.536.046)	(544.250.000)
230 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	288.545.996	60.065.277.684
250 IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	2.600.000.000	5.000.000.000
252 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.600.000.000	5.000.000.000
260 V. Tài sản dài hạn khác		3.486.010.864	958.927.800
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.486.010.864	958.927.800
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		576.262.418.104	757.150.606.784

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		176.262.418.104	357.150.606.784
310	I. Nợ ngắn hạn		176.262.418.104	357.150.606.784
312	1. Phải trả người bán		913.779.000	172.670.000
313	2. Người mua trả tiền trước		246.433.800	-
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	171.843.819.099	309.681.111.431
315	4. Phải trả người lao động		71.710.195	261.076.592
321	5. Dự phòng rủi ro trả thưởng	14	-	41.270.002.758
323	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.186.676.010	5.765.746.003
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		400.000.000.000	400.000.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	400.000.000.000	400.000.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		400.000.000.000	400.000.000.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		576.262.418.104	757.150.606.784

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
6. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		312.182.229.975	265.468.000.331
8. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		110.000.000.000	100.000.000.000


Nguyễn Hoàng Thắng
Người lập biểu


Huỳnh Thanh Liêm
Kế toán trưởng


Nguyễn Thái Bình
Giám đốc

Hậu Giang, ngày 28 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
01	1. Doanh thu	17	2.349.807.714.215	2.909.830.149.004
01.1	1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số		2.349.143.354.527	2.909.275.481.822
01.1.1	1.1.1. Xổ số truyền thống		2.349.143.354.527	2.909.275.481.822
01.2	1.2. Doanh thu kinh doanh khác		664.359.688	554.667.182
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	306.410.002.806	379.470.715.046
02.1	2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		306.410.002.806	379.470.715.046
02.1.1	2.1.1. Xổ số truyền thống		306.410.002.806	379.470.715.046
10	3. Doanh thu thuần		2.043.397.711.409	2.530.359.433.958
10.1	3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số		2.042.733.351.721	2.529.804.766.776
10.1.1	3.1.1. Xổ số truyền thống		2.042.733.351.721	2.529.804.766.776
10.2	3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác		664.359.688	554.667.182
11	4. Chi phí kinh doanh	19	1.668.736.903.238	2.053.700.071.548
11.1	4.1. Chi phí kinh doanh xổ số		1.668.736.903.238	2.053.700.071.548
11.1.1	4.1.1. Chi phí trả thưởng		1.230.245.497.242	1.518.645.316.558
11.1.2	4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số		438.491.405.996	535.054.754.990
20	5. Lợi nhuận gộp		374.660.808.171	476.659.362.410
20.1	5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số		373.996.448.483	476.104.695.228
20.2	5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác		664.359.688	554.667.182
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	12.992.908.559	28.716.946.250
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	168.598.373.710	205.243.830.092
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		219.055.343.020	300.132.478.568
31	11. Thu nhập khác	22	497.754.545	67.681.826
40	13. Lợi nhuận khác		497.754.545	67.655.793
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		219.553.097.565	300.200.134.361
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	44.249.463.999	60.424.632.171
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		175.303.633.566	239.775.502.190

Nguyễn Hoàng Thắng
Người lập biểu

Huỳnh Thanh Liêm
Kế toán trưởng

Nguyễn Thái Bình
Giám đốc

Hậu Giang, ngày 28 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		219.553.097.565	300.200.134.361
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		2.914.573.593	2.035.118.124
03	- Các khoản dự phòng		(41.270.002.758)	(8.077.883.442)
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(13.488.363.104)	(28.782.128.068)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		167.709.305.296	265.375.240.975
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		457.865.511	(7.266.245.648)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		1.228.794.932	1.074.877.638
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(20.949.636.841)	(72.450.579.714)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(1.932.438.360)	(1.794.094.795)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(48.424.632.171)	(93.241.020.045)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.968.096.697)	(7.779.309.409)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		88.121.161.670	83.918.869.002
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.531.278.091)	(15.909.435.363)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		495.454.545	65.181.818
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(220.821.038.443)	(153.647.361.751)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác		377.110.502.156	84.009.985.298
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.400.000.000	2.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.403.247.684	15.478.019.623
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		177.056.887.851	(68.003.610.375)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(279.828.917.778)	(149.011.921.016)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(279.828.917.778)	(149.011.921.016)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(14.650.868.257)	(133.096.662.389)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		149.282.025.433	282.378.687.822
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	134.631.157.176	149.282.025.433

Nguyễn Hoàng Thắng
Người lập biểu

Huỳnh Thanh Liêm
Kế toán trưởng

Nguyễn Thái Bình
Giám đốc

Hậu Giang, ngày 28 tháng 01 năm 2022



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1 .ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được chia tách từ Công ty xổ số kiến thiết thuộc Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ theo Quyết định số 58/2004/QĐ-UB ngày 20/01/2004 và chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Hậu Giang theo Quyết định số 2025/QĐ-UB ngày 28/07/2009. Công ty là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6406000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 05 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 1800545163 ngày 20/02/2020.

Trụ sở chính của Công ty: Số 151 Đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.

Vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực độc quyền tự nhiên.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xổ số kiến thiết (Mã ngành 9200).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ tháng 04/2021, Bộ Tài chính cho phép Công ty phát hành 11 triệu vé/kỳ, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch Covid, UBND tỉnh Hậu Giang yêu cầu tạm dừng 15 kỳ vé dẫn đến doanh thu năm 2021 giảm so với năm 2020.

2 .CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 .Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 .Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và bao gồm cả hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty xổ số kiến thiết được Bộ Tài chính ban hành tại Thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư ngắn hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng, với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải	06	năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05	năm
- Cây lâu năm	06	năm
- Các tài sản khác	04	năm
- Quyền sử dụng đất	35 - 50	năm
- Phần mềm kế toán	02	năm

2.8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11 . Dự phòng rủi ro trả thưởng

Theo quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng là khi trong kỳ trích lập doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Theo Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, tỷ lệ trả thưởng đối với xổ số truyền thống là 50%.

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Mức trích lập được xác định như sau: $DPtt = DT \times TLkh - TTtt$

Trong đó:

- DPtt: Mức trích dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số;
- DT: Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập;
- TLkh: Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số;
- TTtt: Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.
- Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập. Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong kỳ vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải hoàn nhập vào thu nhập khác. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.13 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là thuế tiêu thụ đặc biệt của xổ số.

2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.16 . Ghi nhận chi phí tiền lương

Quỹ tiền lương thực hiện của viên chức quản lý được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty, kiểm soát viên, tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

2.17 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.18 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19 . Thông tin bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xổ số, đồng thời toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	6.742.403.400	6.611.796.773
Tiền gửi ngân hàng	117.888.753.776	52.252.249.400
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	90.417.979.260
	134.631.157.176	149.282.025.433

(*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 02 tháng tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất từ 3,0%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	166.178.652.931	322.468.116.644
	166.178.652.931	322.468.116.644

Số dư tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31/12/2021 là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,7%/năm, chi tiết bao gồm:

	31/12/2021
	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	
- Chi nhánh Tây Đô	53.409.315.068
- Chi nhánh Hậu Giang	10.000.000.000
- Chi nhánh Cần Thơ	11.365.502.247
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hậu Giang	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Cần Thơ	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang	51.403.835.616
	166.178.652.931

b) Đầu tư dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	2.600.000.000	5.000.000.000
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	2.600.000.000	5.000.000.000
	2.600.000.000	5.000.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	Hậu Giang	40,00%	40,00%	In ấn

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Đại lý Thái Phước Đại	7.771.065.500	-	11.861.435.500	-
- Đại lý Nguyễn Hoàng Anh	10.288.892.777	-	9.753.733.300	-
- Đại lý Mai Hữu Ánh	8.457.061.025	-	8.880.203.500	-
- Phải thu đại lý khác	72.795.540.689	(49.880.030)	90.913.395.258	(49.880.030)
	99.312.559.991	(49.880.030)	121.408.767.558	(49.880.030)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công ty Cổ phần In Tổng hợp Cần Thơ	30.554.700.000	17.998.749.883
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Hậu Giang	434.000.000	120.000.000
- Các đối tượng khác	2.900.033.180	1.541.138.633
	33.888.733.180	19.659.888.516

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Lãi dự thu tiền gửi	5.828.587.502	13.238.926.627
- Tạm ứng	229.628.644	332.318.222
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	-	2.000.000.000
- Các khoản tài trợ trong năm chưa có đủ hồ sơ	10.328.365.045	-
- Phải thu trả thưởng	-	175.900.000
- Thuế TNCN đại lý vé số	380.742.825	1.021.020.900
	16.767.324.016	16.768.165.749

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Hàng hóa biếu tặng	5.052.643.654	1.282.236.059
	5.052.643.654	1.282.236.059

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công trình trụ sở Công ty	288.545.996	49.715.597.580
- Giá trị quyền sử dụng đất tại Hậu Giang	-	10.349.680.104
	288.545.996	60.065.277.684

Công trình Trụ sở chính Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được triển khai theo Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình. Trong năm, công trình đã hoàn thành và ghi nhận tăng tài sản.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	39.248.570.405	544.250.000	39.792.820.405
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	10.391.344.787	-	10.391.344.787
Số dư cuối năm	49.639.915.192	544.250.000	50.184.165.192
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	544.250.000	544.250.000
- Khấu hao trong năm	142.286.046	-	142.286.046
Số dư cuối năm	142.286.046	544.250.000	686.536.046
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	39.248.570.405	-	39.248.570.405
Tại ngày cuối năm	49.497.629.146	-	49.497.629.146

(*) Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 125B Trần Bình Trọng, phường 2, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh. Mục đích sử dụng là để làm trạm thanh hủy và phát hành vé số.
- Quyền sử dụng đất tại nhà số 606 (138 cũ), đường 30 tháng 4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ gồm 3 thửa: 1 thửa đất lâu dài, 2 thửa đất có thời hạn. Mục đích sử dụng là để làm văn phòng đại diện
- Quyền sử dụng đất tại nhà số 606 (138 cũ), đường 30 tháng 4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ gồm 3 thửa: 1 thửa đất lâu dài, 2 thửa đất có thời hạn. Mục đích sử dụng là để làm văn phòng đại diện

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 544.250.000 VND.

12 .CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ	1.290.854.004	325.346.363
- Chi phí quảng cáo hoạt động xổ số kiến thiết	4.178.770.652	5.738.922.997
	5.469.624.656	6.064.269.360
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ	3.486.010.864	958.927.800
	3.486.010.864	958.927.800

13 .THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 02.

14 .DỰ PHÒNG RỦI RO TRẢ THƯỜNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
- Dự phòng rủi ro trả thưởng đầu năm	41.270.002.758	62.618.686.200
- Hoàn nhập dự phòng trong năm	(41.270.002.758)	(13.270.800.000)
Dự phòng rủi ro trả thưởng cuối năm	-	49.347.886.200

15 .VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	345.000.000.000	55.000.000.000	-	400.000.000.000
Lãi trong năm trước	-		239.775.502.190	239.775.502.190
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	55.000.000.000	(55.000.000.000)	-	-
Trích lập các quỹ	-		(8.996.584.412)	(8.996.584.412)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách	-		(230.778.917.778)	(230.778.917.778)
Số dư cuối năm trước	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm nay	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	175.303.633.566	175.303.633.566
Trích lập các quỹ	-	-	(7.389.026.704)	(7.389.026.704)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách	-	-	(167.914.606.862)	(167.914.606.862)
Số dư cuối năm nay	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000

Công ty trích lập các quỹ trong năm và nộp lợi nhuận còn lại về ngân sách theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của Nhà nước	400.000.000.000	100,00	400.000.000.000	100,00
	400.000.000.000	100,00	400.000.000.000	100,00

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Công ty thuê đất và trả tiền thuê theo thông báo của Cơ quan thuế chi tiết như sau:

Khu đất	Hợp đồng	Mục đích sử dụng	Thời gian	Diện tích(m ²)
Vị trí 1 Thửa đất số 18,19; tờ bản đồ số: 19, khu vực 2, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	Hợp đồng số 1636/HĐTĐ ngày 03/05/2018	Làm trụ sở Công ty	50 năm	124,7

17 . DOANH THU

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu kinh doanh xổ số truyền thống	2.349.143.354.527	2.909.275.481.822
Doanh thu khác	664.359.688	554.667.182
	2.349.807.714.215	2.909.830.149.004

18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thuế TTĐB của xổ số truyền thống	306.410.002.806	379.470.715.046
	306.410.002.806	379.470.715.046

19 . CHI PHÍ KINH DOANH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí kinh doanh xổ số	1.668.736.903.238	2.053.700.071.548
- Chi phí trả thưởng	1.230.245.497.242	1.518.645.316.558
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số (*)	438.491.405.996	535.054.754.990
	1.668.736.903.238	2.053.700.071.548

(*) Chi tiết các khoản chi phí trực tiếp phát hành xổ số như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
1. Chi phí cho các đại lý	390.336.414.300	482.036.645.900
1.1. Hoa hồng đại lý bán vé	387.608.653.500	480.030.454.500
1.2. Chi phí ủy quyền trả thưởng	2.727.760.800	2.006.191.400
2. Chi phí phục vụ xổ số	881.468.182	884.604.544
3. Chi phí quay số mở thưởng	2.442.569.085	2.877.050.000
4. Chi phí giấy và công in vé xổ số	42.113.999.883	46.200.000.000
5. Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	2.716.954.546	2.996.454.546
6. Chi phí đóng góp hoạt động XSKT khu vực	-	60.000.000
	438.491.405.996	535.054.754.990

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	12.992.908.559	28.716.946.250
	12.992.908.559	28.716.946.250

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.236.108.648	1.213.184.218
Chi phí nhân công	37.580.413.813	43.900.826.476
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	551.522.365	459.989.589
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.914.573.593	2.035.118.124
Thuế, phí, và lệ phí	238.579.187	249.548.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.288.270.866	1.574.348.746
Chi phí khác bằng tiền	123.788.905.238	155.810.814.714
	168.598.373.710	205.243.830.092

22 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	495.454.545	65.181.826
Thu nhập khác	2.300.000	2.500.000
	497.754.545	67.681.826

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	219.553.097.565	300.200.134.361
Các khoản điều chỉnh tăng	1.694.222.433	1.923.026.500
- Chi phí không được trừ	1.694.222.433	1.923.026.500
Thu nhập chịu thuế TNDN	221.247.319.998	302.123.160.861
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)	44.249.463.999	60.424.632.171
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	10.424.632.171	43.241.020.045
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(48.424.632.171)	(93.241.020.045)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	6.249.463.999	10.424.632.171

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	Công ty liên kết		
- Mua hàng hóa và dịch vụ		3.159.090.909	2.968.181.818

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt kiểm toán.

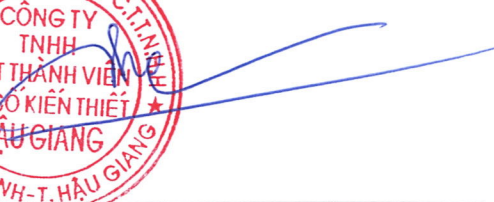
Ban Lãnh đạo Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Biên bản kiểm toán ngày 14/04/2021 của Kiểm toán Nhà nước KV5. Theo đó, một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

	Mã số	Điều chỉnh lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND	Chênh lệch VND
Bảng Cân đối kế toán				
- Các khoản tương đương tiền	112	90.417.979.260	90.047.000.000	370.979.260
- Đầu tư ngắn hạn	121	322.468.116.644	322.839.095.904	(370.979.260)
- Các khoản phải thu khác	135	16.768.165.749	3.529.239.122	13.238.926.627
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	309.681.111.431	74.609.941.822	235.071.169.609
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	-	144.449.088	(144.449.088)
- Dự phòng rủi ro trả thưởng	321	41.270.002.758	49.347.886.200	(8.077.883.442)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	-	213.609.910.452	(213.609.910.452)


Nguyễn Hoàng Thắng
Người lập biểu


Huỳnh Thanh Liêm
Kế toán trưởng


Nguyễn Thái Bình
Giám đốc

Hậu Giang, ngày 28 tháng 01 năm 2022

Phụ lục 01 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	16.450.397.552	1.080.077.681	9.303.503.608	4.188.775.980	373.900.000	321.795.454	31.718.450.275
Số tăng trong năm	35.032.320.527	2.733.900.000	2.259.838.103	6.891.403.835	-	-	46.917.462.465
- Mua trong năm	-	-	2.259.838.103	121.818.182	-	-	2.381.656.285
- Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	35.032.320.527	2.733.900.000	-	6.769.585.653	-	-	44.535.806.180
Số giảm trong năm	-	-	(1.701.669.091)	-	-	-	(1.701.669.091)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.701.669.091)	-	-	-	(1.701.669.091)
Số dư cuối năm	51.482.718.079	3.813.977.681	9.861.672.620	11.080.179.815	373.900.000	321.795.454	76.934.243.649
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	5.167.006.638	972.813.647	6.559.390.608	3.983.081.864	31.158.336	10.757.576	16.724.208.669
Số tăng trong năm	1.028.459.625	137.455.146	998.760.640	464.846.600	62.316.672	80.448.864	2.772.287.547
- Khấu hao trong năm	1.028.459.625	137.455.146	998.760.640	464.846.600	62.316.672	80.448.864	2.772.287.547
Số giảm trong năm	-	-	(1.701.669.091)	-	-	-	(1.701.669.091)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.701.669.091)	-	-	-	(1.701.669.091)
Số dư cuối năm	6.195.466.263	1.110.268.793	5.856.482.157	4.447.928.464	93.475.008	91.206.440	17.794.827.125
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	11.283.390.914	107.264.034	2.744.113.000	205.694.116	342.741.664	311.037.878	14.994.241.606
Tại ngày cuối năm	45.287.251.816	2.703.708.888	4.005.190.463	6.632.251.351	280.424.992	230.589.014	59.139.416.524

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 10.365.869.364 VND.

Phụ lục 02 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2021	Trong năm		31/12/2021
	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	25.422.953.988	229.158.247.088	236.652.482.708	17.928.718.368
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	33.768.062.851	306.410.002.806	317.258.222.137	22.919.843.520
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	10.424.632.171	44.249.463.999	48.424.632.171	6.249.463.999
- Phải nộp ngân sách lợi nhuận còn lại	230.778.917.778	167.914.606.862	279.828.917.778	118.864.606.862
- Thuế Thu nhập cá nhân công nhân viên	243.516.478	21.663.696.954	20.324.435.272	1.582.778.160
- Thuế Thu nhập cá nhân đại lý	2.180.298.165	-	2.135.829.975	44.468.190
- Thuế Thu nhập cá nhân người trúng thưởng	6.858.780.000	66.720.780.000	69.328.920.000	4.250.640.000
- Thuế Thu nhập cá nhân Hội đồng giám sát	3.950.000	571.200.000	571.850.000	3.300.000
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	-	4.646.322	4.646.322	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	309.681.111.431	836.695.644.031	974.532.936.363	171.843.819.099

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

